

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân N

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu B

2. Bà Nguyễn Thị Kim P

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc X – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh B – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 279/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1997; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Trần Trung T, sinh năm 1993; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B; Tạm trú tại: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

- Người làm chứng: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1955; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn bà Vũ Thị H có mặt.

Bị đơn ông Trần Trung T có mặt.

Người làm chứng bà Đặng Thị N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn xin ly hôn ngày 16 tháng 7 năm 2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn (bà Vũ Thị H) trình bày:***

Hiện nay bà Vũ Thị H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Công việc hiện nay làm công nhân cho Công ty cổ phần nông nghiệp R; địa chỉ tại xã A, huyện C, thành phố H với mức lương cơ bản từ 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng, tùy thuộc vào số lượng hàng làm nhiều hay ít do Công ty yêu cầu.

Ông Trần Trung T và bà Vũ Thị H, hai bên tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh B vào ngày 08/11/2019. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống với cha mẹ vợ bà Đặng Thị N, sinh năm 1955 và ông Vũ Văn P, sinh năm 1949 (chết năm 2000) tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Như Q, sinh ngày 11/11/2020. Hiện nay hai bên không còn chung sống với nhau nữa vì không còn tình cảm với nhau, sống không có hạnh phúc nên hai bên đã ly thân nhau từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Vì vậy, ông T không còn ở chung với bà Đặng Thị N nữa mà ở trong Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ nơi ông T làm công nhân. Quá trình chung sống thì ông T chỉ đóng góp tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng để phụ giúp nuôi con, ngoài ra không phụ giúp gì khác nên công việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đều do bà H thực hiện.

Sự việc ông T đưa cháu Trần Như Q về chung sống với ông Trần Văn S và bà Đỗ Thị U ở ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B từ thời gian tháng 6 năm 2024 cho đến nay thì ông T hoàn toàn không có thông báo gì cho bà H biết cũng như gia đình bên ngoại biết thông tin này. Việc thăm nom, chăm sóc con chung đối với cháu Q thì phía ông T chỉ cho bà H thăm gặp nhưng không cho đưa đón về ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B với nhiều lý do khác nhau, gây cản trở quyền làm mẹ của bà H đối với cháu Q.

Trước khi ông T mang cháu Q về tỉnh B sinh sống thì cháu Q học lớp mầm 2 trường mầm non D8 cơ sở 2 ở ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B và hằng ngày bà Đặng Thị N là người phụ giúp đưa đón cháu đi học, cùng với bà H chăm sóc, yêu thương cháu Q. Nguyên nhân bà H làm đơn ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và bà H yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q vì hiện nay cháu Q còn quá nhỏ nên việc chăm sóc, nuôi con của bà H vẫn đảm bảo phát triển tâm, sinh lý và ăn học. Nếu giao con chung cho ông T chăm sóc nuôi dưỡng thì chủ yếu là ông bà nội tự chăm sóc, điều kiện thăm gặp cháu Q đối với bà H sẽ gặp khó khăn trong việc đi lại đường xa.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn (ông Trần Trung T) trình bày ý kiến:***

Ông Trần Trung T có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B nhưng tạm trú tại: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B đến ngày 22/8/2025. Công việc hiện nay làm công nhân cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ – bộ phận cắt bao

bì có địa chỉ phường A, thành phố B, tỉnh B với mức lương cơ bản từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng, tùy thuộc vào số lượng hàng làm nhiều hay ít do Công ty yêu cầu.

Ông Trần Trung T thống nhất ý kiến với bà Vũ Thị H về việc chung sống và có 01 con chung tên Trần Như Q, sinh ngày 11/11/2020. Từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay ông T sinh sống trong Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ vì cho rằng bà Vũ Thị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc ly thân giữa hai vợ chồng. Ông T không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nhưng có ông Vũ Minh N - quan hệ là chú ruột của bà Vũ Thị H - cung cấp thông tin là bà Vũ Thị H đang chung sống với một người đàn ông khác như vợ chồng và sinh con tại huyện C, thành phố H. Mục đích bà H ly hôn để kết hôn với người đàn ông khác và đăng ký khai sinh con của người đàn ông đó.

Trong quá trình chung sống với nhau ông T có thương yêu, chăm sóc cuộc sống chung của hai vợ chồng, không có hành vi bạo lực gia đình và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình và không có lỗi gì.

Hiện nay cháu Trần Như Q do ông Trần Trung T đang chăm sóc, nuôi dưỡng và đang sống với cha mẹ ruột của ông Trần Trung T là ông Trần Văn S, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị U, sinh năm 1972 ở ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B từ thời gian tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Hiện tại cháu Trần Như Q đang lớp chồi trường mầm non T do ông bà nội là người đưa đón, chăm sóc nuôi dưỡng hàng ngày và tiền ăn học hàng ngày đều do ông T gửi đóng học phí và lo cho cháu Q. Còn thời điểm trước khi ly thân thì cháu Trần Như Q sống cùng cha, mẹ với bà Đặng Thị N tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Sự việc ông T đưa cháu Trần Như Q về chung sống với ông Trần Văn S và bà Đỗ Thị U thì có thông báo cho bà H biết nhưng bà H không có ý kiến gì phản đối. Việc thăm nom, chăm sóc con chung đối với bà Vũ Thị H thì phía ông T hoàn toàn tạo điều kiện cho bà H thăm gặp, gia đình ông T không ai ngăn cản gì nhưng việc đón con về nhà bà H chơi thì hạn chế.

Hiện nay trước yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị H, ông Trần Trung T đồng ý tự nguyện ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau gì nữa. Còn về con chung thì ông T yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Như Q vì bà Vũ Thị H không thực hiện đúng vai trò của một người mẹ thương yêu, chăm sóc con của mình và thường xuyên vắng nhà mà không rõ lý do, để một mình ông T tự chăm sóc cháu. Vì vậy, không có căn cứ giao con cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo luật định vì điều kiện kinh tế của ông T vẫn đảm bảo cuộc sống ăn học, phát triển tâm sinh lý của cháu Q.

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/01/2024 và quá trình tranh tụng tại phiên tòa người làm chứng (bà Đặng Thị N) trình bày ý kiến:***

Hiện tại bà Đặng Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Công việc hiện nay làm y tế cộng đồng của Ủy ban nhân dân xã Đ và làm vệ sinh chợ của xã Đ. Giữa bà N và ông T không có mâu thuẫn gì.

Bà Đặng Thị N và ông Vũ Văn P, sinh năm 1949 (chết năm 2000) quan hệ là vợ chồng. Trong quá trình chung sống có 05 người con chung tên: ông Vũ Văn K, sinh năm 1978; bà Vũ Thị L, sinh năm 1980; ông Vũ Văn C, sinh năm 1983; ông Vũ Văn C, sinh năm 1985; bà Vũ Thị H, sinh năm 1997. Hiện nay chỉ có ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị H đang chung sống với bà Đặng Thị N, còn lại những người khác đã lập gia đình ra ở riêng.

Ông Trần Trung T và bà Vũ Thị H kết hôn với nhau từ năm 2019. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống với bà Đặng Thị N tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Tuy nhiên thời gian từ tháng 6 năm 2024 cho đến nay phía ông T không còn ở chung với bà Đặng Thị N nữa mà ở trong Công ty nơi ông T làm công nhân do xảy ra mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Hiện tại cháu Trần Như Q đang chung sống với cha mẹ ruột của ông Trần Trung T là ông Trần Văn S, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị U, sinh năm 1972 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B do ông Trần Trung T mang cháu Q về quê sinh sống từ thời gian tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Sự việc ông T đưa cháu Q về chung sống với ông Trần Văn S và bà Đỗ Thị U thì ông T chỉ nói là chở cháu Q đi chơi và hoàn toàn không có thông báo gì cho bà H, bà N biết thông tin này. Phía ông T tự ý bắt con về tỉnh B và giao cho ông bà nội tự chăm sóc là gây cản trở quyền làm mẹ của bà H đối với cháu Q. Trước khi ông T đưa cháu Trần Như Q về sinh sống tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B thì cháu Q học lớp mầm 2 trường mầm non Đ ở ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B và hằng ngày bà Đặng Thị N là người đưa đón cháu, cùng với bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu thương cháu phát triển bình thường. Đôi lúc bà H đi làm công nhân ở huyện C thì tối mới về nên cháu Q đều do bà N đưa đón đi học là chủ yếu vì trường học của cháu ở gần nhà.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự.

- Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy:

Nguyên đơn bà H và bị đơn ông T đăng ký kết hôn ngày 08/11/2019 tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh B. Quá trình sống chung có 01 con chung tên Trần Như Q, sinh ngày 11/11/2020.

Hiện nay, nguyên đơn bà H cho rằng vợ chồng không còn sống chung, vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông T, yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Như Q, sinh ngày 11/11/2020, không yêu cầu cấp dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng cho bị đơn ông T, ông T cho rằng bà H đã có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và sinh con tại huyện C, thành phố H, dẫn đến việc ly thân giữa hai vợ chồng. Điều này ông T biết do ông Vũ Minh N - chú ruột bà H - cung cấp thông tin, ngoài ra ông không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Ông T đồng ý ly

hôn nhưng muốn được quyền nuôi cháu Q và không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn bà H và bị đơn ông T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được (không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; bỏ mặc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng).

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà H được ly hôn với bị đơn ông T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Như Q, sinh ngày 11/11/2020 cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ăn học, phát triển tâm, sinh lý của cháu Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Vũ Thị H khởi kiện ông Trần Trung T về việc ly hôn. Ông Trần Trung T có đăng ký tạm trú tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B đến ngày 22/8/2025 theo Thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú ngày 24/8/2023 của Công an xã Đ. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung vụ án:

Ông Trần Trung T và bà Vũ Thị H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh B vào ngày 08/11/2019. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Như Q, sinh ngày 11/11/2020. Hiện tại cháu Trần Như Q đang chung sống với cha mẹ ruột của ông Trần Trung T là ông Trần Văn S, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị Ủ, sinh năm 1972 tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B từ thời gian tháng 6 năm 2024 cho đến nay. Thời gian từ tháng 6 năm 2024 đến nay, hai vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa vì không còn tình cảm với nhau, sống không có hạnh phúc nên nguyên đơn làm đơn ly hôn với ông Trần Trung T và yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi bà H và ông T kết hôn với nhau năm 2019 thì hai bên cùng nhau về chung sống với cha mẹ ruột của bà H là bà Đặng Thị T, sinh năm 1955 và ông Vũ Văn P, sinh năm 1949 (chết năm 2000) tại ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Đến thời điểm tháng 6 năm 2024 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc ông Trần Trung T không còn chung sống với bà Vũ Thị H nữa mà dọn ra sinh sống trong Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ nơi ông T làm công nhân và đã ly thân với nhau từ đó cho đến nay.

Tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau”*. Mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo tạo điều kiện cho bị đơn ông Trần Trung T hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn không thể đoàn tụ gia đình cùng chung sống với nguyên đơn. Nguyên nhân bà H làm đơn ly hôn với ông T vì không còn tình cảm với nhau, sống không có hạnh phúc nên hai bên đã ly thân nhau, ngược lại bị đơn ông Trần Trung T cho rằng bà Vũ Thị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc ly thân giữa hai vợ chồng. Mục đích bà H ly hôn để kết hôn với người đàn ông khác và đăng ký khai sinh con của người đàn ông đó. Tuy nhiên, ngày 20/01/2025 Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì bà Vũ Thị H không có đăng ký khai sinh cho bất kỳ người con nào từ năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, lời trình bày của ông T không có cơ sở, không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình và nội dung này không được nguyên đơn bà H thừa nhận.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Trung T đồng ý tự nguyện ly hôn với bà H. Xét tình trạng hôn nhân gia đình của các đương sự không thể tiếp tục hàn gắn với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị H đối với ông Trần Trung T là có căn cứ và ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa các đương sự, phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Từ thời điểm tháng 6 năm 2024 thì ông T đã đưa cháu Trần Như Q về chung sống với cha mẹ ruột của ông T là ông Trần Văn S, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị U, sinh năm 1972 tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B. Việc ông T cho rằng đưa cháu Q về chung sống với ông Trần Văn S và bà Đỗ Thị U thì có nói cho gia đình bà H biết nhưng trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ thể hiện hoàn toàn không có việc ông T thông báo gì cho bà H biết nội dung sự việc này, bởi lẽ theo đơn xác nhận của Trường mầm non Đ ngày 18/3/2025 thì bà H là người làm thủ tục, đăng ký và đóng tiền học phí cho cháu Q để học lớp chồi và không có thông báo gì cho nhà trường biết việc cháu Q sẽ không tiếp tục học nữa. Bên cạnh đó, việc ông T giao phó trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng hàng ngày đối với cháu Q cho ông Trần Văn S và bà Đỗ Thị U là chưa thật sự chu toàn, thực hiện tốt trách nhiệm của người làm cha, bởi quy định tại Điều 69 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thể hiện *“...Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ là trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên...”* trong khi ông T đang làm công nhân tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ với thời gian làm việc từ thứ hai đến thứ 6 tăng ca đến 19 giờ và mỗi tháng chỉ về nhà 01 đến 02 lần để thăm cháu Q nên ảnh hưởng đến việc chăm sóc con của mình. Mặc khác, việc thăm nom, chăm sóc cháu Q thì ông T chỉ cho bà H thăm gặp nhưng không cho đưa đón về ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B với nhiều lý do

khác nhau đã cản trở quyền làm mẹ của bà H. Điều này sẽ ảnh hưởng đến thời gian đi lại (từ B đến B) rất xa vì khác địa giới hành chính và ít có điều kiện thuận lợi được chăm sóc, nuôi dạy của bà H đối với con chung.

Ngược lại nếu giao con chung cho bà H được chăm sóc, nuôi dưỡng vì cháu Q là con gái, còn nhỏ rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ trong việc ăn, uống, ngủ nghỉ. Bên cạnh đó, hằng ngày bà Đặng Thị N là người phụ giúp thêm việc đưa đón cháu đi học là vì trường học của cháu ở gần nhà, cùng với bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu thương cháu phát triển bình thường. Hiện nay với mức thu nhập lương hàng tháng của bà H làm việc tại Công ty cổ phần nông nghiệp R từ 15.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng, không có người phụ thuộc nên có điều kiện kinh tế để đảm bảo phát triển ăn học của cháu Q sau này nên xét về thời gian để chăm sóc mọi mặt cho cháu Q thì bà H có nhiều thời gian và điều kiện chăm sóc hơn ông T. Mặc khác việc thăm, chăm sóc con chung của ông T cũng thuận lợi hơn về mặt thời gian, công sức đi lại vì địa phận công ty làm việc ở phường A, thành phố B và nơi sinh sống của bà H ở huyện D giáp ranh nhau. Vì vậy, để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và việc ăn học ổn định, phát triển tâm sinh lý của con chung nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Trần Như Q cho bà Vũ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận ý chí tự nguyện của nguyên đơn.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 51, 53, 55, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H đối với ông Trần Trung T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị H và ông Trần Trung T.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Như Q, sinh ngày 11/11/2020 cho bà Vũ Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Hiện tại cháu Trần Như Q đang do ông Trần Trung T chăm sóc, nuôi dưỡng và sinh sống tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh B). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Thị H về việc không yêu cầu của ông Trần Trung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Vũ Thị H và ông Trần Trung T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000453 ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 11/4/2025).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Định Hiệp (Giấy CNKH số 71 ngày 08/11/2019);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân N